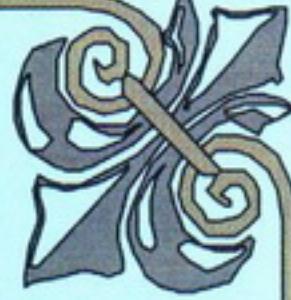


CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH

------------



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN  
NĂM 2012**

*Tháng 4 năm 2013*

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH

### Năm 2012

#### I. THÔNG TIN CHUNG

##### *1. Thông tin khái quát*

- Tên tiếng Anh: **Binh Dinh Minerals Joint Stock Company**
- Tên giao dịch: **BIMICO**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4100 390 008 ngày 15/05/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp
  - Vốn điều lệ: **123.926.300.000 đồng.**
  - Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 123.926.300.000 đồng.
  - Địa chỉ: 11 Hà Huy Tập, TP Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
  - Số điện thoại: 056-3822073-3820081
  - Số fax: 056-3822497
  - Website: [www.bimico.vn](http://www.bimico.vn)
  - Mã cổ phiếu: BMC

##### *2. Quá trình hình thành và phát triển*

###### *a. Lịch sử hình thành:*

Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định tiền thân là Công ty Khoáng sản Bình Định được thành lập năm 1985, là một trong những Công ty có uy tín và tiên phong trong lĩnh vực khai thác sa khoáng tại tỉnh Bình Định cũng như ở Việt Nam.

Trải qua hơn 25 năm phát triển, Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định đã đứng vững và ngày càng khẳng định vị trí của mình trong cơ chế thị trường. Công ty đã được nhà nước tặng Huân chương lao động hạng 3 vào năm 1999.

Thực hiện chủ trương cổ phần hóa của Nhà nước, Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định chuyển thành Công ty Cổ phần theo quyết định số 09/2001/QĐ-UB ngày 08 tháng 01 năm 2001 của Uỷ Ban Nhân Dân tỉnh Bình Định. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000009 ngày 08 tháng 01 năm 2001, thay đổi lần thứ 8 số 4100390008 ngày 15 tháng 5 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp. Vốn điều lệ tại thời điểm chuyển sang Công ty Cổ phần là 13.114.000.000 đồng. Vốn điều lệ tính đến ngày 31/12/2012 là 123.926.300.000 đồng.

Thực hiện Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Công ty cổ phần Khoáng sản Bình Định đã xúc tiến các thủ tục cần thiết để phục vụ cho việc niêm yết cổ phiếu của

Công ty trên thị trường chứng khoán tập trung. Ngày 28 tháng 12 năm 2006, cổ phiếu của Công ty đã chính thức giao dịch phiên đầu tiên tại Trung tâm giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh). Tính đến ngày 31/12/2012 tổng số cổ phiếu đã phát hành và lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán TP. HCM là 12.392.630 cổ phiếu.

**b. Quá trình phát triển:**

- Hiện nay Công ty đang khai thác, chế biến và kinh doanh sa khoáng Titan. Sản phẩm chính của Công ty là Ilmenite, nguyên liệu chính dùng để sản xuất bột màu Titan dioxit ( $TiO_2$ ) và kim loại Titan. Bên cạnh đó trong quá trình chế biến, Công ty còn thu được các loại sản phẩm khác như: Zircon, Rutile, Monazite, Magnetic - là các hợp chất dùng trong ngành công nghiệp gạch men, que hàn điện, chế tạo bột màu Titan dioxit ( $TiO_2$ ).

- Sản phẩm của Công ty sau khi được sản xuất ra đều đạt được chất lượng theo yêu cầu về chất lượng của khách hàng trong và ngoài nước. Quặng tinh Ilmenite có hàm lượng thấp nhất là 52%  $TiO_2$ , bột Zircon mịn có hàm lượng 65%  $ZrO_2$ , Rutile có hàm lượng 87%  $TiO_2$ , Monazite có hàm lượng  $REO > 57\%$  và Magnetic có hàm lượng  $Fe_3O_4 > 75\%$ .

- Trong năm 2007, Công ty đã đầu tư hoàn chỉnh và đưa vào sử dụng dây chuyền nghiền mịn Zircon với vốn đầu tư khoảng 4 tỷ đồng. Đây là một dự án đầu tư nhằm nâng cao hơn nữa giá trị sản phẩm xuất khẩu, tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh, cũng như thỏa mãn đầy đủ các tiêu chuẩn xuất khẩu do Nhà nước quy định.

- Ngày 16/9/2007 Công ty đã chính thức khởi công Dự án Nhà máy Xỉ titan Bình Định. Đây là dự án chế biến sâu Titan đầu tiên của cả nước. Tháng 1 năm 2009, Công ty đã hoàn thành việc đầu tư xây dựng và chính thức đưa vào hoạt động Nhà máy Xỉ titan Bình Định – giai đoạn 1 với công suất giai đoạn 1 là 9.500 tấn sản phẩm/năm. Tổng mức đầu tư giai đoạn 1 khoảng 44 tỷ đồng. Đây là một dự án đầu tư nhằm nâng cao đáng kể giá trị gia tăng của sản phẩm, tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh, tiết kiệm tài nguyên, kéo dài tuổi thọ của mỏ, đồng thời phù hợp với quy hoạch của Nhà nước về thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng quặng titan giai đoạn 2007 – 2015, định hướng phát triển đến 2025. Nhà máy sản xuất ra 2 loại sản phẩm là Xỉ Titan có hàm lượng từ 85% đến 92%  $TiO_2$  và Gang hợp kim có hàm lượng  $Fe \geq 98\%$ , đáp ứng tiêu chuẩn xuất khẩu cho thị trường Châu Âu, Nhật Bản, Hàn Quốc và Trung Quốc.

Bước sang năm 2011, thị trường tiêu thụ mặt hàng Xỉ titan có sự khởi sắc hơn so với trước. Mật khát thuế suất thuế xuất khẩu đối với mặt hàng này cũng đã giảm từ 15% xuống 10% kể từ năm 2011. Các yếu tố trên đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc xuất khẩu mặt hàng Xỉ titan trong năm 2011. Để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng lên

của thị trường về mặt hàng này, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 đã nhất trí thông qua việc tiếp tục đầu tư giai đoạn 2 của Dự án Nhà máy Xỉ titan Bình Định, vốn đầu tư dự kiến ban đầu khoảng 30 tỷ đồng. Căn cứ vào tình hình tiêu thụ sản phẩm Xỉ titan tại thời điểm đầu tư cũng như dự kiến nhu cầu của thị trường trong tương lai, năng lực tài chính của Công ty, Hội đồng quản trị Công ty đã quyết định nâng công suất của Dự án giai đoạn 2 lên 2,5 lần so với công suất ban đầu của Dự án giai đoạn 2. Quý 3 năm 2012 Công ty đã hoàn thành việc đầu tư xây dựng và đưa vào vận hành dây chuyền luyện xỉ titan giai đoạn 2, làm tiền đề quan trọng cho việc nâng cao sản lượng sản phẩm chế biến sâu cho các năm sau. Trong quá trình đầu tư xây dựng, ngoài việc đầu tư cho hệ thống thiết bị phục vụ cho việc sản xuất sản phẩm, Công ty còn tiến hành đầu tư thêm hệ thống xử lý khói bụi cho dây chuyền thiết bị. Việc đầu tư này đã giải quyết triệt để vấn đề ô nhiễm môi trường. Tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty sản xuất lâu dài, ổn định trên địa bàn.

### **3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**

- Ngành nghề kinh doanh: Khai thác, chế biến và mua bán khoáng sản từ quặng sa khoáng Titan. Các hoạt động hỗ trợ khai thác khoáng sản (trừ điều tra, thăm dò dầu khí). Kiểm tra, phân tích kỹ thuật các loại quặng khoáng sản. Mua bán các loại vật tư, máy móc, thiết bị phục vụ khai thác và chế biến các loại quặng khoáng sản.

- Địa bàn kinh doanh: Toàn bộ địa bàn hoạt động của Công ty hiện nay nằm trong phạm vi tỉnh Bình Định. Bao gồm:

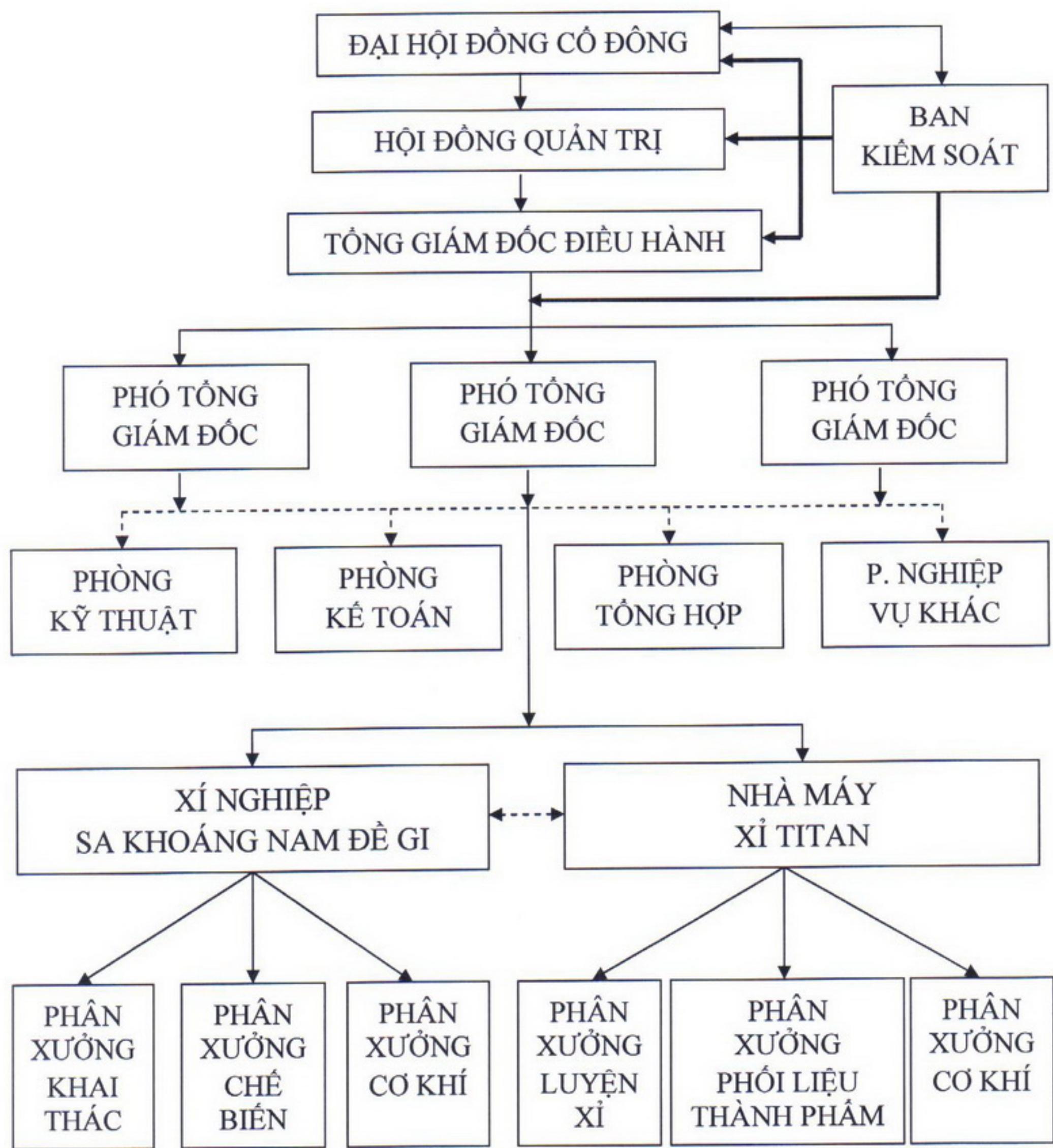
+ Trụ sở chính của Công ty: 11 Hà Huy Tập, TP Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

+ Các cơ sở sản xuất: Công ty hiện có 02 cơ sở sản xuất:

- Xí nghiệp Sa khoáng Nam Đề Gi, thuộc xã Cát Thành, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định. Sản phẩm của Xí nghiệp là các loại tinh quặng được chế biến từ quặng sa khoáng Titan nguyên khai. Bao gồm: Ilmenite, Zircon, Rutile, Monazite và Magnetic. Trong đó sản phẩm Ilmenite sản xuất ra một phần cung cấp cho Nhà máy Xỉ titan Bình Định, phần còn lại dùng để xuất khẩu.

- Nhà máy Xỉ titan Bình Định: thuộc xã Cát Nhơn, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định. Nhà máy sử dụng nguyên liệu chính là tinh quặng Ilmenite (là sản phẩm của XN Sa khoáng Nam Đề Gi) để tiếp tục thực hiện công đoạn chế biến sâu. Sản phẩm của Nhà máy hiện nay là Xỉ titan và gang hợp kim.

**4. Sơ đồ bộ máy tổ chức quản lý của Công ty:**



Chú thích

- Quan hệ trực tuyến
- ↔ Quan hệ chức năng
- Quan hệ kiểm soát

- Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

### **5. Định hướng phát triển:**

- Lấy năng suất, chất lượng, hiệu quả và sự hài lòng của khách hàng làm thước đo cho sự phát triển bền vững.

#### **a. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.**

- Tiếp tục củng cố sản xuất kinh doanh cả mặt hàng tinh quặng truyền thống lẫn sản phẩm chế biến sâu để tận dụng lợi thế của Công ty đối với ngành khai thác và chế biến titan, tích cực tìm kiếm thị trường tiêu thụ mới đối với sản phẩm titan để nâng cao hiệu quả đầu tư, tạo thế ổn định và phát triển cho Công ty.

- Tiếp tục nghiên cứu liên doanh, liên kết với các đơn vị trong và ngoài nước tìm kiếm dự án sản phẩm mới để thực hiện chủ trương đa dạng hóa sản phẩm trên cơ sở phát huy ưu thế của Công ty trong lĩnh vực khai thác và chế biến sâu titan.

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước; cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách cho người lao động; đảm bảo chi trả cổ tức cho cổ đông theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đề ra.

#### **b. Chiến lược phát triển trung và dài hạn.**

- Tập trung cho việc vạch ra chiến lược Marketing tạo thế cạnh tranh khi thị trường tiêu thụ sản phẩm mở rộng nhằm nâng cao giá trị hàng hoá xuất khẩu.

- Tiếp tục nghiên cứu các dự án đầu tư chế biến sâu sản phẩm titan nhằm nâng cao giá trị tăng của sản phẩm, kéo dài tuổi thọ của mỏ, tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Công ty đã tích cực và đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp giấy phép khai thác vùng mỏ mới với diện tích 150 ha, trữ lượng 334.597 tấn. Đây là tiền đề vô cùng quan trọng trong việc đáp ứng nhu cầu hiện tại của thị trường cũng như đầu tư cho các dự án đầu tư chế biến sâu mang tính dài hơi, phục vụ cho kế hoạch phát triển dài hạn của Công ty.

- Liên doanh liên kết với các đối tác trong và ngoài nước tìm kiếm sản phẩm mới nhằm thực hiện chiến lược đa dạng hóa sản phẩm.

- Tái cấu trúc lại mô hình tổ chức quản lý nhằm tăng cường hiệu quả công tác quản lý, đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty trong tương lai.

#### **c. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.**

Trong quá trình khai thác và chế biến khoáng sản, Công ty luôn chú trọng đến công tác bảo vệ môi trường. Mục tiêu của Công ty đối với vấn đề môi trường là:

- Hướng tới việc hình thành nên một hệ thống sản xuất thân thiện với môi trường, giảm thiểu đến mức thấp nhất các chất thải nguy hại cũng như các ảnh hưởng tiêu cực khác đến môi trường.

- Quan tâm đến việc hỗ trợ nhân dân tại nơi có tài nguyên Công ty đang khai thác hoặc địa bàn mà Công ty đứng chân phù hợp với khả năng tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty theo các phương thức thích hợp nhằm thực hiện có hiệu quả việc từng bước góp phần cải thiện đời sống nhân dân tại địa phương, tạo sự đồng thuận cao giữa doanh nghiệp và địa phương cũng như môi trường thuận lợi cho sản xuất kinh doanh của Công ty.

#### **6. Các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động SXKD hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty.**

##### **a. Rủi ro biến động kinh tế.**

Mức độ tăng trưởng của nền kinh tế là một nhân tố quan trọng quyết định tốc độ tăng trưởng của các ngành công nghiệp có sử dụng hợp chất Titan (bất động sản, công nghiệp ô tô, hàng không, vũ trụ, công nghiệp men, sứ, nhựa, sơn ...) và qua đó trực tiếp hoặc gián tiếp ảnh hưởng tới ngành khai thác và chế biến các sản phẩm từ quặng Titan. Một nền kinh tế tăng trưởng mạnh và ổn định sẽ kéo theo nhu cầu về hợp chất Titan và ngược lại, nền kinh tế phát triển trì trệ sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động kinh doanh của ngành khai thác và sản xuất các hợp chất Titan. Mức độ phát triển của nền kinh tế thế giới có ảnh hưởng đến sự phát triển của các ngành công nghiệp và gián tiếp tác động đến sự phát triển của các doanh nghiệp hoạt động khai thác chế biến sa khoáng Titan.

##### **b. Rủi ro chính sách nhà nước.**

Sản phẩm của Công ty 95% được xuất khẩu sang các thị trường Nhật Bản, Malaysia, Trung Quốc, Hàn Quốc, Châu Âu. Để bảo đảm sự phát triển ổn định và vững chắc của doanh nghiệp, tạo sự chủ động của Công ty trong sản xuất kinh doanh trước chủ trương hạn chế xuất khẩu tinh quặng Titan của Nhà nước hiện nay, Công ty đã đầu tư hoàn chỉnh và đưa vào vận hành khai thác toàn bộ dây chuyền sản xuất Xi titan với công suất thiết kế khoảng 35.000 tấn sản phẩm /năm. Việc đưa toàn bộ dây chuyền sản xuất xi titan vào hoạt động là tiền đề quan trọng cho Công ty trong việc hoạch định kế hoạch sản xuất kinh doanh cho năm 2013 và những năm sau đó. Mặc dù vậy, sự thiếu nhất quán về mặt quan điểm cũng như trong việc thực hiện chủ trương hạn chế xuất khẩu tinh quặng Titan của Nhà nước hiện nay phần nào có ảnh hưởng đến việc sản xuất kinh doanh sản phẩm chế biến sâu (xi titan) của Công ty.

##### **c. Rủi ro pháp luật.**

Là doanh nghiệp Nhà nước chuyển sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần và niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, hoạt động của Công ty Cổ

phần Khoáng sản Bình Định chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật về công ty cổ phần, chứng khoán và thị trường chứng khoán, Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi đó ít nhiều sẽ ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty.

**d. Rủi ro tỷ giá hối đoái.**

Phần lớn doanh thu của Công ty từ việc xuất khẩu và các hợp đồng tiêu thụ sản phẩm của Công ty được ký với đơn vị tính là USD, do đó sự biến động của tỷ giá hối đoái sẽ tác động đến doanh thu của Công ty, gây ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh. Trong năm 2012 tỷ giá VND/USD biến động không lớn, mức dao động tỷ giá hối đoái thấp nên ảnh hưởng không nhiều đến kết quả hoạt động của Công ty.

**e. Rủi ro khác.**

Các rủi ro khác như thiên tai, địch họa, hỏa hoạn .v.v... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

## **II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM**

### **1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**

Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2012	TH 2012	TH 2012 /KH 2012	TH 2012 /TH 2011
1. Giá trị sản xuất CN	Tr.đồng	60.000	65.275	108,79%	150,51%
2. Tổng doanh thu	Tr.đồng	400.000	401.780	100,45%	107,92%
3. Kim ngạch nhập khẩu	Ng. USD	500	98	19,60%	6,51%
4. Kim ngạch xuất khẩu	Ng. USD	17.200	18.469	107,38%	107,58%
5. Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	100.000	111.938	111,94%	96,99%
6. Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	80.000	86.414	108,02%	94,61%
7. Đầu tư mới	Tr.đồng	40.000	54.587	136,47%	133,06%
8. Nộp ngân sách	Tr.đồng	73.000	148.073	202,84%	175,50%

Trong năm 2012 thị trường tiêu thụ sản phẩm diễn biến theo chiều hướng tích cực, sản lượng tiêu thụ năm 2012 ít hơn so với năm 2011 nhưng do giá bán bình quân của sản phẩm có cao hơn so với năm 2011 nên doanh thu 2012 vẫn cao hơn so với năm trước. Năm 2012 Công ty đã tiêu thụ được 39.374 tấn sản phẩm các loại. Doanh thu năm 2012 so với thực hiện năm 2011 tăng 7,9% và tăng một ít so với kế hoạch 2012. Giá trị kim ngạch xuất khẩu đạt 18,47 triệu USD tăng 7,58% so với thực hiện năm 2011. Nhìn chung kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012 đều vượt chỉ tiêu kế hoạch theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2012 đề ra: So với kế hoạch 2012, doanh thu tăng 0,45%; kim ngạch xuất khẩu tăng 7,38%; lợi nhuận sau thuế tăng 8%; đặc biệt chỉ tiêu nộp ngân sách nhà nước tăng 102,8%.

Quý 3 năm 2012, Công ty đã đầu tư hoàn chỉnh và đưa vào vận hành dây chuyền sản xuất xi titan giai đoạn 2. Như vậy, với việc đưa giai đoạn 2 vào hoạt động, năng lực sản xuất của nhà máy theo thiết kế vào khoảng 35.000 tấn sản phẩm/năm.

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2012 đã thông qua tỷ lệ trả cổ tức năm 2012 ít nhất là 30%. Trong năm 2012 Công ty đã chi trả cổ tức bằng tiền cho cổ đông là 30%. Tỷ lệ chi trả cổ tức chính thức năm 2012 sẽ do Đại hội đồng cổ đông thường niên 2013 quyết định, dự kiến sẽ được tổ chức vào quý 2/2013.

## **2. Tổ chức và nhân sự:**

### **a. Ban điều hành:**

#### **a.1 Danh sách:**

Ban điều hành của Công ty hiện nay gồm có:

- Ông: Ngô Văn Tống : Tổng Giám đốc
- Ông: Hà Văn Cường : Phó Tổng giám đốc
- Ông: Trần Cảnh Thịnh : Phó Tổng giám đốc
- Ông: Lê Anh Vũ : Phó Tổng giám đốc
- Ông: Huỳnh Ngọc Bích : Kế toán trưởng.

#### **a.2 Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:**

##### **Ông NGÔ VĂN TỐNG**

Ngày sinh:	02/02/1964
Nơi sinh:	Xã Cát Tài, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Xã Cát Tài, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định
Địa chỉ thường trú:	23 đường Phạm Hồng Thái, Tp Quy Nhơn
ĐT liên lạc ở cơ quan:	056-3822073
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Đại học kinh tế, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh.
Quá trình công tác:	
• 09/1986 - 12/1995:	Kế hoạch Công ty Khoáng sản Bình Định.
• 01/1996 - 12/2000:	Trưởng phòng Kế hoạch Công ty Khoáng sản Bình Định, thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Khoáng sản Bình Định Việt Nam - Malaysia.
• 01/2001 - 03/2006:	Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Giám đốc Công ty CP Khoáng sản Bình Định, thành viên Hội

đồng Quản trị Công ty Khoáng sản Bình Định Việt Nam - Malaysia.

- 04/2006 – 10/2006: Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Giám đốc Công ty CP Khoáng sản Bình Định, thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Khoáng sản Bình Định Việt Nam - Malaysia.
- 11/2006 – 03/2007: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty CP Khoáng sản Bình Định, Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Khoáng sản Bình Định Việt Nam - Malaysia, Thành viên Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Sản xuất - Đầu tư - Dịch vụ Xuất nhập khẩu Bình Định (PISCO).
- 04/2007 – 5/2007: Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định, Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Khoáng sản Bình Định Việt Nam - Malaysia, Thành viên Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Sản xuất - Đầu tư - Dịch vụ Xuất nhập khẩu Bình Định (PISCO).
- 06/2007 - 06/2010: Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định, Phó chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Khoáng sản Bình Định Việt Nam - Malaysia, Thành viên Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Sản xuất - Đầu tư - Dịch vụ Xuất nhập khẩu Bình Định (PISCO).
- 07/2010 - 04/2011: Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định, Phó chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Khoáng sản Bình Định Việt Nam - Malaysia, Thành viên Hội đồng Thành viên Tổng Công ty Sản xuất - Đầu tư - Dịch vụ Xuất nhập khẩu Bình Định (PISCO).
- 05/2011 - 03/2013: Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định, Thành viên Hội đồng Thành viên Tổng Công ty Sản xuất - Đầu tư - Dịch vụ Xuất nhập khẩu Bình Định (PISCO).

Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định.

Số cổ phần nắm giữ: 2.678.547 cổ phần.

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 200.000 cổ phần.

+ Đại diện sở hữu: 2.478.547 cổ phần.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có  
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

### Ông HÀ VĂN CƯỜNG

Ngày sinh: 08/01/1964

Nơi sinh: Xã Cát Nhơn, huyện Phú Cát, tỉnh Bình Định

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Xã Cát Nhơn, huyện Phú Cát, tỉnh Bình Định

Địa chỉ thường trú: 09 - Đường Võ Đình Tú, Tp.Quy Nhơn

ĐT liên lạc ở cơ quan: 056-3825857

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy

Quá trình công tác:

• 10/1987 - 6/1993: Công tác tại Nhà máy Cơ khí Thống nhất Nghĩa Bình, chức vụ đảm nhận: Kỹ sư cơ điện. Kỹ sư công nghệ

• 06/1993 - 10/1998: Công tác tại Xí nghiệp Cơ khí Quang Trung Bình Định, chức vụ: Kỹ sư công nghệ.

• 10/1998 - 04/2002: Công tác tại Phòng Kỹ thuật Sở Công nghiệp Tỉnh Bình Định, chức vụ chuyên viên kỹ thuật

• 04/2002 – 04/2006: Trưởng phòng kỹ thuật Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định.

• 04/2006 – đến nay: Thành viên Hội đồng Quản trị, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định.

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội đồng Quản trị, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định.

Số cổ phần nắm giữ: 15.577 cổ phần.

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 15.577 cổ phần.

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có.

### Ông LÊ ANH VŨ

Ngày sinh:	04/12/1962
Nơi sinh:	Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Xã Hương Xuân, huyện Hương Trà, Tỉnh Thừa Thiên Huế
Địa chỉ thường trú:	Tổ 33A khu vực 1 Phường Trần Phú, TP.Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
ĐT liên lạc ở cơ quan:	056-3820081
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Đại học Kinh tế
Quá trình công tác:	
• 01/1990 - 10/1995:	Chuyên viên Kế toán tại Sở Công nghiệp Bình Định
• 11/1995 - 12/2000:	Phụ trách Kế toán tại Công ty Khoáng sản Bình Định
• 01/2001 - 05/2007:	Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm kế toán trưởng Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định.
• 06/2001 - 04/2011:	Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm kế toán trưởng Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định, thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Khoáng sản Bình Định Việt Nam - Malaysia.
• 05/2001 - 10/2012:	Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định.
• 11/2012 - đến nay:	Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định.
Chức vụ công tác hiện nay:	Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định.
Số cổ phần nắm giữ:	63.351 cổ phần.
Trong đó: + Sở hữu cá nhân:	63.351 cổ phần.
+ Đại diện sở hữu:	0 cổ phần.
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có

## Ông TRẦN CẢNH THỊNH

Ngày sinh:	20/03/1965
Nơi sinh:	Xã Mỹ Chánh, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Xã Mỹ Chánh, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định
Địa chỉ thường trú:	KV 12, P. Ngô Mây, TP Quy Nhơn, Bình Định
ĐT liên lạc ở cơ quan:	056.3822039
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Luật
Quá trình công tác:	
● 9/1986 - 8/1994:	Công tác tại Ban Quản lý Công trình Thuỷ điện Vĩnh Sơn
● 9/1994 - 4/2001:	Công tác tại Cảng Thị Nại Bình Định.
● 5/2001 - 3/2002:	Công tác tại Trung tâm đào tạo nghiệp vụ giao thông vận tải Bình Định.
● 4/2002 - 3/2007:	Trưởng phòng Tổng hợp Cty cổ phần Khoáng sản Bình Định.
● 4/2007 – 02/2012:	Thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng phòng Tổng hợp Công ty cổ phần Khoáng sản Bình Định.
● 3/2012 - đến nay:	Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Khoáng sản Bình Định.
Chức vụ công tác hiện nay:	Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Khoáng sản Bình Định.
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:	Không.
Số cổ phần nắm giữ:	12.000 cổ phần.
	Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 12.000 cổ phần.
	+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có  
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

## Ông HUỲNH NGỌC BÍCH

Ngày sinh:	15/06/1965
Nơi sinh:	Tam Quan, Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Tam Quan, Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định

Địa chỉ thường trú:	363 Nguyễn Thị Minh Khai, TP Quy Nhơn, Bình Định
Điện thoại liên lạc:	0989 072 940
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Đại học Tài chính kế toán
Quá trình công tác:	
• 07/1987 - 07/1995:	Kế toán Công ty vật tư Bình Định
• 08/1995 - 04/2000:	Kế toán tổng hợp Công ty Khoáng sản Bình Định.
• 05/2000 - 01/2008:	Thành viên Ban kiểm soát, Kế toán tổng hợp Công ty CP Khoáng sản Bình Định.
• 01/2008 - 10/2012:	Kế toán tổng hợp Công ty CP Khoáng sản Bình Định.
• 11/2012 - đến nay:	Kế toán trưởng Công ty CP Khoáng sản Bình Định.
Chức vụ công tác hiện nay:	Kế toán trưởng Công ty cổ phần Khoáng sản Bình Định.
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:	Không.
Số cổ phần nắm giữ:	45.372 cổ phần.
Trong đó: + Sở hữu cá nhân:	45.372 cổ phần.
+ Đại diện sở hữu:	0 cổ phần.
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có

**b. Các thay đổi trong Ban điều hành năm 2012.**

- Ông: Lê Anh Vũ - Kế toán trưởng được bổ nhiệm làm Phó Tổng giám đốc Công ty từ tháng 11/2012.
- Ông: Huỳnh Ngọc Bích - Phó phòng kế toán được bổ nhiệm làm Kế toán trưởng Công ty từ tháng 11/2012.

**c. Người lao động tại Công ty:**

**c.1. Số lượng:**

Tổng số lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2012 là 343 người, trong đó lao động gián tiếp là 30 người.

**c.2 Chính sách đối với người lao động:**

**❖ Chế độ làm việc.**

Thời gian làm việc: Công ty đang thực hiện chế độ làm việc 40 giờ/tuần, các nhân viên tại văn phòng làm việc theo giờ hành chính, và tại các nhà xưởng của Công ty được tổ chức làm việc theo ca với mật độ 3 ca/ngày. Khi có yêu cầu về tiến độ công việc thì người lao động có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định

đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của nhà nước và đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động.

Nghỉ phép, nghỉ lễ, tết: Thực hiện theo Luật lao động, nhân viên Công ty làm việc với thời gian 12 tháng được nghỉ phép 12 ngày và thời gian không làm việc đủ 12 tháng được tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Ngoài ra cứ 05 năm làm việc tại Công ty nhân viên được cộng thêm 01 ngày phép trong năm.

Nhân viên được nghỉ lễ, tết 09 ngày theo quy định của bộ Luật lao động.

Nghỉ ốm, thai sản: Nhân viên Công ty được nghỉ ốm 03 ngày (không liên tục) trong năm và được hưởng nguyên lương. Trong thời gian nghỉ thai sản, ngoài thời gian nghỉ 04 tháng với chế độ bảo hiểm theo đúng quy định, còn được hưởng thêm 04 tháng lương cơ bản do Bảo hiểm xã hội chi trả.

Các chế độ, phúc lợi: Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Luật lao động.

- Nộp BHXH, BHYT, BHTN cho 100% CBCNV.
- Trang bị phương tiện lao động cho 100% CBCNV.
- Bồi dưỡng độc hại theo chế độ hiện hành.
- Lao động trực tiếp sản xuất được cấp trang phục bảo hộ lao động.
- Tiền ăn giữa ca.
- Mua bảo hiểm kết hợp tai nạn – sinh mạng – nằm viện, phẫu thuật cho toàn bộ người lao động tại Công ty.

Ngoài ra, công tác an toàn lao động được cấp lãnh đạo Công ty quan tâm hàng đầu, quán triệt cho CBCNV nắm vững an toàn kỹ thuật và hiểu rõ tầm quan trọng của công tác an toàn lao động. Hoạt động của tổ chức Đảng, Công đoàn, Hội Cựu chiến binh và Đoàn thanh niên đều được tạo điều kiện thuận lợi.

#### ❖ Chính sách tuyển dụng, đào tạo.

Tuyển dụng: mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có trình độ, năng lực và kinh nghiệm, đáp ứng được yêu cầu công việc. Công ty thường xuyên quan tâm tuyển dụng sắp xếp, bố trí và kiện toàn đội ngũ cán bộ phù hợp với năng lực, trình độ chuyên môn đáp ứng với yêu cầu, nhiệm vụ sản xuất.

Đào tạo: Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Công ty kết hợp chặt chẽ đến vấn đề đào tạo, phát triển nhân viên, luôn tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các khoá tập huấn để nâng cao trình độ nghiệp vụ.

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- Giá trị đầu tư XDCB và mua sắm thiết bị trong năm 2012 khoảng 54,6 tỷ đồng, trong đó Công ty đã đầu tư hoàn chỉnh và đưa vào vận hành dây chuyền sản xuất xỉ giai đoạn 2 với giá trị đầu tư khoảng 45,6 tỷ đồng, đầu tư mở rộng sản xuất khoảng 9 tỷ đồng.

- Đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết: Không có

#### **4. Tình hình tài chính:**

##### **a. Tình hình tài chính:**

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	% tăng, giảm
Tổng giá trị tài sản	257.555	271.042	5,24%
Doanh thu thuần	309.104	331.218	7,15%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	115.015	111.274	-3,25%
Lợi nhuận khác	401	650	62,10%
Lợi nhuận trước thuế	115.416	111.924	-3,03%
Lợi nhuận sau thuế	91.388	86.392	-5,47%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	257.555	271.042	-4,80%

##### **b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

Các chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Ghi chú
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	317,45%	247,39%	
Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	283,10%	123,01%	
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	27,00%	24,88%	
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	36,98%	33,12%	
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u>	726,37%	365,73%	
Hàng tồn kho bình quân			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	120,01%	122,20%	

<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	29,57%	26,08%	
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	48,61%	42,43%	
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	35,48%	31,87%	
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	37,21%	33,60%	

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

**a. Cổ phần:**

- Tổng số cổ phần : 12.392.630

Trong đó: cổ phần phổ thông : 12.392.630

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do : 12.392.630

**b. Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu: (tại ngày 30/11/2012)**

T T	<b>Đối tượng sở hữu vốn</b>	<b>Tổng cộng</b>	<b>Cổ đông Nhà nước</b>	<b>Cổ đông lớn sở hữu từ 5% trở lên</b>	<b>Cổ đông sở hữu từ 1 đến dưới 5%</b>	<b>Cổ đông sở hữu dưới 1 %</b>
<b>I</b>	<b>TRONG NƯỚC</b>	<b>10.768.255</b>	<b>3.098.184</b>	<b>2.790.012</b>	<b>313.700</b>	<b>4.566.359</b>
1	Tổ chức					
	- Số lượng CP	5.931.267	3.098.184	2.790.012		43.071
	- Tỷ lệ (%)	47,86%	25,00%	22,51%		0,35%
2	Cá nhân					
	- Số lượng CP	4.836.988			313.700	4.523.288
	- Tỷ lệ (%)	39,03%			2,53%	36,50%
<b>II</b>	<b>NƯỚC NGOÀI</b>	<b>1.624.375</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>458.410</b>	<b>1.165.965</b>
1	Tổ chức					
	- Số lượng CP	1.073.636			458.410	615.226
	- Tỷ lệ (%)	8,66%			3,70%	4,96%
2	Cá nhân					
	- Số lượng CP	550.739				550.739
	- Tỷ lệ (%)	4,44%				4,44%
<b>III</b>	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>12.392.630</b>	<b>3.098.184</b>	<b>2.790.012</b>	<b>772.110</b>	<b>5.732.324</b>
1	Tổ chức					
	- Số lượng CP	7.004.903	3.098.184	2.790.012	458.410	658.297
	- Tỷ lệ (%)	56,52%	25,00%	22,51%	3,70%	5,31%

2	Cá nhân					
	- Số lượng CP	5.387.727			313.700	5.074.027
	- Tỷ lệ (%)	43,48%			2,53%	40,94%

**c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2012, Công ty đã tiến hành việc phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 2 : 1 (cổ đông sở hữu 02 cổ phiếu sẽ được thưởng 01 cổ phiếu). Tổng số cổ phiếu thực tế phát hành thêm là 4.130.810 cổ phiếu, tương ứng với giá trị cổ phiếu tăng lên là 41.308.100.000 đồng. Công ty đã hoàn tất các thủ tục phát hành cổ phiếu và đăng ký bổ sung chứng khoán phát hành thêm tại Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam kể từ ngày 08/6/2012.

Với việc phát hành cổ phiếu thưởng nêu trên, vốn Điều lệ của Công ty đã tăng từ 82.618.200.000 đồng lên 123.926.300.000 đồng

**d. Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Công ty không có cổ phiếu quỹ.

**e. Các chứng khoán khác:** Không có.

### **III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

#### **1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

**a. Tình hình thực hiện kế hoạch 2012:**

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2012	Thực hiện 2012	Tỷ lệ hoàn thành
1. Giá trị sản xuất CN	Tr.đồng	60.000	65.275	108,79%
2. Tổng doanh thu	Tr.đồng	400.000	401.780	100,45%
3. Kim ngạch nhập khẩu	Ng. USD	500	98	19,60%
4. Kim ngạch xuất khẩu	Ng. USD	17.200	18.469	107,38%
5. Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	100.000	111.938	111,94%
6. Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	80.000	86.414	108,02%
7. Tỷ lệ chi trả cổ tức	%	30	30	100,00%
8. Vốn Điều lệ	Tr.đồng	123.927	123.927	100,00%
9. Đầu tư mới	Tr.đồng	40.000	54.587	136,47%
10. Nộp ngân sách	Tr.đồng	73.000	148.073	202,84%

(Năm 2012 đã tạm chi trả cổ tức là 30%. Tỷ lệ chi trả chính thức sẽ được quyết định tại Đại hội cổ đông thường niên 2013 sắp tới)

**b. Đánh giá kết quả SXKD:**

Nhìn chung, Công ty đã hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012 theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2012. Các chỉ tiêu đều vượt so với kế hoạch đề ra, đặc biệt chỉ tiêu nộp ngân sách nhà nước hoàn thành hơn gấp đôi kế hoạch. Điều đó cho thấy, trong điều kiện thị trường có nhiều biến động khó lường,

sự hồi phục kinh tế trong nước và thế giới chưa thực sự rõ nét, các yếu tố chi phí sản xuất đầu vào liên tục tăng lên, tình trạng khai thác quặng titan trái phép vẫn tiếp diễn trên vùng mỏ có tác động tiêu cực đến sản xuất, giá bán sản phẩm có xu hướng giảm thì mức độ hoàn thành nêu trên đã thể hiện sự nỗ lực đáng kể của Ban điều hành trong việc chỉ đạo, điều hành sản xuất kinh doanh trong năm qua.

### c. Những tiến bộ đạt được:

Trong điều kiện có nhiều khó khăn, Công ty đã có nhiều cố gắng và đạt được những tiến bộ nhất định:

- Trong khâu khai thác: Công ty đã thực hiện đầu tư các trang thiết bị cần thiết để bảo đảm khai thác triệt để tài nguyên, kéo dài tuổi thọ của mỏ.

- Trong khâu chế biến: Nhờ đầu tư máy móc thiết bị, Công ty đã tăng tỷ lệ thu hồi sản phẩm trong quá trình chế biến sản phẩm. Đối với sản phẩm xỉ về cơ bản đội ngũ cán bộ kỹ thuật Công ty đã làm chủ được dây chuyền luyện xỉ, thỏa mãn đầy đủ các yêu cầu về chất lượng sản phẩm cho nhiều đối tượng khách hàng khác nhau.

- Về vấn đề môi trường: Công ty đã thực hiện tốt việc hoàn thổ, trồng cây phục hồi môi trường sau khai thác. Năm 2012 Công ty được đánh giá là doanh nghiệp thực hiện việc trồng cây phục hồi môi trường tốt nhất so với các doanh nghiệp khai thác titan khác tại địa bàn tỉnh Bình Định. Trong quá trình đầu tư giai đoạn 2 của Nhà máy xỉ, Công ty cũng đã quan tâm đầu tư đáng kể vào hệ thống xử lý khói bụi. Nhờ vậy đã xử lý triệt để vấn đề khói bụi trong chế biến sâu.

- Trong năm 2012 Công ty đã tiến hành xây dựng và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 vào quá trình sản xuất kinh doanh. Việc áp dụng ISO 9001:2008 một mặt bảo đảm sự chặt chẽ của quy trình kiểm soát chất lượng sản phẩm, giữ vững uy tín của Công ty đối với khách hàng, mặt khác, đây cũng là tiền đề quan trọng cho Công ty trong việc tiếp cận và phát triển khách hàng mới, góp phần tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

## 2. Tình hình tài chính

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2012	Năm 2011
1	Cơ cấu tài sản - Tài sản dài hạn/Tổng tài sản - Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	46,61% 53,39%	24,80% 75,20%
2	Cơ cấu nguồn vốn - Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn - Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	24,88% 75,12%	27,00% 73,00%
3	Khả năng thanh toán - Khả năng thanh toán nhanh - Khả năng thanh toán hiện hành	26,02% 247,39%	70,00% 317,00%

4	Tỷ suất lợi nhuận - Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	41,29% 26,08% 42,43%	44,81% 29,57% 48,61%
---	---	----------------------------	----------------------------

### a. Tình hình tài sản

Tình hình tài sản của Công ty so với năm 2011 nhìn chung có sự biến động khá rõ nét, tỷ lệ tài sản dài hạn trên tổng tài sản tăng lên khá nhiều; về mặt giá trị có sự dịch chuyển đáng kể từ tài sản ngắn hạn sang tài sản dài hạn. Nguyên nhân chủ yếu là do trong năm 2012 Công ty đã đầu tư một khoản đáng kể cho việc xây dựng và lắp đặt hoàn chỉnh cho dây chuyền luyện xỉ titan giai đoạn 2, và cùng với các khoản đầu tư XDCB khác, giá trị TSCĐ năm 2012 đã tăng lên hơn 64 tỷ đồng. Tài sản dài hạn tăng gấp đôi - mức tăng cao nhất từ trước đến nay.

Về tài sản ngắn hạn: tỷ lệ tài sản ngắn hạn trên tổng tài sản có biến động giảm khá nhiều, từ 75,2% (năm 2011) xuống 53,39%. Chủ yếu do nguyên nhân như đã nêu trên. Trong năm 2012, giá trị hàng tồn kho cuối năm tăng lên so với đầu năm, một phần là do tồn kho tinh quặng Ilmenite tương đối nhiều do chủ trương tạm dừng xuất khẩu tinh quặng Ilmenite của Nhà nước, mặt khác, đối với mặt hàng xỉ titan do nhu cầu cần tích lũy đủ số lượng để giao hàng theo lô lớn theo yêu cầu của khách hàng dẫn đến tồn kho thành phẩm cuối năm tăng lên. Theo tinh thần công văn số 1234/BCT-CNNg ngày 06/02/2013 của Bộ Công Thương, Công ty cổ phần Khoáng sản Bình Định được tiếp tục xuất khẩu tinh quặng Ilmenite, số lượng là 34.000 tấn.

Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản cũng như trên nguồn vốn chủ sở hữu năm 2012 mặc dù có thấp hơn một ít so với năm 2011, song vẫn ở mức khá cao. Năm 2012, Công ty mới vừa đưa dây chuyền luyện xỉ titan giai đoạn 2 vào hoạt động, đang trong giai đoạn hiệu chỉnh thiết bị nên chưa thể phát huy tối đa công suất của hệ thống. Trong năm 2013 khi hệ thống hoạt động ổn định, năng suất và hiệu quả của hệ thống sẽ tăng lên.

- Các khoản công nợ phải thu nhìn chung là bình thường, chủ yếu là các khoản phải thu tiền bán hàng của các đợt giao hàng vào thời gian cuối năm và đã được thanh toán đầy đủ vào quý 1 năm 2013. Hiện không tồn tại bất cứ khoản nợ xấu cũng như khoản nợ khó đòi nào trên số dư nợ phải thu của Công ty.

### b. Tình hình nợ phải trả

Nợ phải trả năm 2012 nhìn chung là bình thường và không có biến động lớn so với năm 2011.

- Về nợ ngắn hạn, giá trị lớn nhất là khoản "Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước" hơn 22 tỷ đồng. Đây là khoản nợ thuế chưa đến hạn nộp còn kết dư đến cuối năm. Số dư "Vay và nợ ngắn hạn" 8,5 tỷ đồng thực chất là khoản Công ty vay chiết

khấu tiền hàng trong khi chờ khách hàng thanh toán tiền hàng. Khoản vay này chỉ tồn tại trong thời gian rất ngắn và được thanh toán ngay cho ngân hàng khi khách hàng thanh toán tiền mua hàng cho Công ty, phát sinh lãi vay của khoản vay này là không đáng kể. Các khoản nợ phải trả ngắn hạn khác nhau chung là bình thường.

- Về nợ dài hạn: Là khoản nợ phải trả do Công ty thuê đất tại Cụm công nghiệp Cát Nhơn để xây dựng Nhà máy xi titan Bình Định. Thời hạn trả kéo dài 45 năm kể từ ngày thuê đất.

#### c. Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái:

Do chính sách ổn định tỷ giá của Ngân hàng Nhà nước nên trong năm 2012, tỷ giá USD khá ổn định. Bên cạnh đó, năm 2012 Công ty còn phải đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo quy định tại Thông tư 179/2012TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính. Mặc dù vậy, mức chênh lệch giữa tỷ giá hạch toán và tỷ giá đánh giá lại cuối năm vẫn thấp và ảnh hưởng không đáng kể đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

### 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Qua nhiều năm hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty ngày càng phát triển lớn mạnh, quy mô của Công ty phát triển trên nhiều mặt. Vốn Điều lệ tăng từ 13,1 tỷ đồng năm 2006 hiện nay là gần 124 tỷ đồng, tổng tài sản đạt hơn 270 tỷ đồng. Số lượng lao động hiện nay gần 350 người, địa bàn hoạt động mở rộng và mức độ phức tạp của quản lý theo đó cũng tăng lên tương ứng.

Trong bối cảnh đó, để đáp ứng với nhu cầu quản lý sản xuất kinh doanh trong giai đoạn mới, Công ty đã tiến hành thay đổi mô hình quản lý từ mô hình quản lý hai cấp (cấp Công ty và cấp Phân xưởng) sang mô hình quản lý ba cấp (cấp Công ty, cấp Nhà máy, Xí nghiệp và cấp Phân xưởng).

Như vậy, mô hình quản lý mới bổ sung thêm cấp quản lý trung gian là cấp Nhà máy, Xí nghiệp. Việc bổ sung thêm cấp quản lý này một mặt tăng cường quyền hạn cũng như tính chủ động của người đứng đầu cấp Nhà máy, Xí nghiệp; khắc phục được những bất cập của mô hình quản lý cũ; mặt khác, trách nhiệm của các cấp quản lý cũng được tách bạch rõ ràng và nâng cao hơn một bước, góp phần nâng cao hiệu lực quản lý chung trong toàn Công ty.

### 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Theo định hướng phát triển trước mắt cũng như lâu dài, Công ty sẽ phát triển theo hướng tận dụng và phát huy mạnh mẽ các lợi thế của Công ty trong lĩnh vực khai thác và chế biến sa khoáng titan, tiếp tục nghiên cứu đầu tư các công nghệ chế biến titan sâu hơn trên cơ sở phát huy công nghệ hiện có và tiếp thu các công nghệ tiên tiến khác trên thế giới. Tiếp tục nâng cao hàm lượng kỹ thuật và giá trị gia tăng của các sản

phẩm hiện tại làm cơ sở cho việc tiếp tục nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

#### **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

##### ***1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty***

Trong năm qua, để phục vụ cho công tác quản trị Công ty, Hội đồng quản trị đã ban hành 12 nghị quyết, đồng thời thực hiện tốt quyền hạn của mình trong việc giám sát, triển khai và tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng của Tổng Giám đốc.

- Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã phối hợp tốt và thỏa mãn các yêu cầu của Ban kiểm soát nên đã tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát phát huy đầy đủ chức năng và hoàn thành nhiệm vụ của mình trong năm 2012.

- Bên cạnh việc nỗ lực hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch do Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2012 đề ra, Công ty luôn quan tâm đến đời sống và đảm bảo các quyền lợi của người lao động như chế độ BHXH, BHYT, BHTN ...

- Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty cũng quan tâm tạo điều kiện để các tổ chức chính trị xã hội trong doanh nghiệp hoạt động theo đúng quy định của pháp luật.

##### ***2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty:***

Trong năm 2012, trong điều kiện sản xuất kinh doanh gặp không ít khó khăn, Ban Tổng giám đốc Công ty đã có những nỗ lực đáng kể nhằm ổn định và phát triển sản xuất kinh doanh, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu do Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2012 đề ra. Bên cạnh đó Ban Tổng Giám đốc cũng đã hoàn thành việc đầu tư Dự án Nhà máy xỉ titan Bình Định giai đoạn 2 và đưa vào vận hành ổn định vào quý 3 năm 2012, làm tiền đề cho sự phát triển ổn định của Công ty trong những năm sắp tới.

#### **V. QUẢN TRỊ CÔNG TY**

##### ***1. Hội đồng quản trị***

###### **a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị**

TT	Họ và tên	Tỷ lệ sở hữu tại 30/11/12		Ghi chú
		Cá nhân sở hữu	Đại diện sở hữu	
	Cộng	2,35%	42,51%	
1	Ngô Văn Tống	1,61%	20,00%	

2	Nguyễn Văn Chánh		22,51%	Thành viên không ĐH
3	Trần Cảnh Thịnh	0,10%		
4	Hà Văn Cường	0,13%		
5	Lê Anh Vũ	0,51%		

**b. Các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị:**

Hiện Công ty chưa thành lập các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị.

**c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:**

Hoạt động của HĐQT Công ty cổ phần Khoáng sản Bình Định luôn bám sát và thực hiện đúng chủ trương, đường lối, chính sách, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước và Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Để chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, trong năm HĐQT đã tổ chức 07 cuộc họp và ban hành những Nghị quyết phù hợp tình hình thực tế, góp phần mang lại hiệu quả cao cho đơn vị. Cụ thể như sau:

TT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-HĐQT	06/01/12	Thông qua khoản hỗ trợ kinh phí tổ chức buổi gặp mặt nhân dịp Tết Nguyên đán năm 2012 tại xã Cát Thành
2	03 /NQ-HĐQT	03/02/12	Thông qua việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên 2012.
3	07 /NQ-HĐQT	17/03/12	Thông qua bộ hồ sơ đăng ký phát hành thêm cổ phiếu thưởng
4	14 /NQ-HĐQT	06/04/12	Thông qua tỷ lệ và mức chi trả cổ tức bằng tiền lần 3 năm 2011 và thông qua việc phát hành cổ phiếu thưởng.
5	21 /NQ-HĐQT	03/05/12	Thông qua nội dung sửa đổi Điều lệ Công ty.
6	22 /NQ-HĐQT-BMC	03/05/12	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua kết quả SXKD quý 1/2012.</li> <li>- Thông qua việc phát hành cổ phiếu thưởng.</li> <li>- Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ.</li> <li>- Thông qua việc giao cho Ban quản lý điều hành Công ty chi hỗ trợ cho địa phương.</li> <li>- Thông qua việc đề nghị UBND tỉnh, TP và các Sở liên quan giao đất có thu tiền cho Công ty để xây dựng trụ sở làm việc.</li> <li>- Thông qua việc đóng góp kinh phí cho UBND tỉnh Bình Định.</li> <li>- Thông qua việc đề nghị xếp hạng doanh nghiệp đối với Công ty.</li> </ul>

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua việc đầu tư xây dựng xưởng hồ điện cực.</li> <li>- Thông qua chủ trương được tham gia đấu giá quyền khai thác mỏ.</li> </ul>
7	24 /NQ-HĐQT	03/05/12	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua kết quả phát hành cổ phiếu thưởng.</li> <li>- Thông qua việc điều chỉnh Điều lệ theo sự ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông.</li> </ul>
8	28 /NQ-HĐQT-BMC	25/07/12	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua kết quả hoạt động SXKD và đầu tư 6 tháng đầu năm 2012 và nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2012.</li> <li>- Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý nội bộ và cơ cấu tổ chức bộ máy Ban quản lý điều hành của Công ty.</li> </ul>
9	31 /NQ-HĐQT-BMC	30/07/12	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua tỷ lệ và mức chi trả cổ tức bằng tiền lần 1 năm 2012.</li> </ul>
10	37 /NQ-HĐQT-BMC	21/08/12	Bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Chánh làm thành viên HĐQT thay ông Nguyễn Công Thành.
11	46 /NQ-HĐQT-BMC	09/11/12	Thông qua tỷ lệ và mức chi trả cổ tức bằng tiền lần 2 năm 2012
12	47 /NQ-HĐQT-BMC	09/11/12	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua kết quả hoạt động SXKD và đầu tư 9 tháng đầu năm 2012, nhiệm vụ công tác quý 4/2012.</li> <li>- Thông nhất việc bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng Công ty.</li> </ul>

• Về ưu điểm:

☞ Về công tác chỉ đạo điều hành:

HĐQT thống nhất cao về mục tiêu cung cấp, ổn định và phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với nhà nước; luôn quan tâm đến việc làm, đời sống vật chất và tinh thần, thực hiện các chế độ chính sách cho người lao động theo đúng quy định của Nhà nước; đảm bảo cổ tức của cổ đông hàng năm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Để chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, HĐQT đã kịp thời ban hành, điều chỉnh các Nghị quyết và chỉ đạo Ban Điều hành Công ty trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả

Xây dựng và thực hiện tốt quy chế dân chủ, mọi chủ trương lớn cũng như kế hoạch trung dài hạn trước khi xây dựng và tổ chức thực hiện đều được HĐQT và Ban quản lý tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các đoàn thể, người lao động và các cổ đông,

do đó đã tạo được bầu không khí dân chủ, gắn bó của toàn thể CBCNV và cỗ đồng với Công ty.

☞ **Về công tác nhân sự:**

Trong năm 2012, để nâng cao hiệu lực quản lý, phục vụ tốt hơn cho công tác điều hành và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, Công ty đã tiến hành thay đổi mô hình tổ chức quản lý theo hướng nâng cấp và phân nhiệm rõ ràng hơn. Theo đó Công ty cũng đã có sự thay đổi trong cách xung hô các chức danh quản lý trong Công ty, cũng như ban hành các quyết định bổ nhiệm nhân sự cần thiết cho mô hình tổ chức quản lý mới.

• **Những hạn chế:**

Chưa quan tâm đúng mức đến hoạt động liên doanh liên kết và đa dạng hóa sản phẩm cho nên chưa tận dụng hết lợi thế Công ty cũng như cơ hội của thị trường để nâng hiệu quả sản xuất kinh doanh lên cao hơn nữa.

• **Biện pháp khắc phục:**

Hoàn chỉnh cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định hiện hành của UBCK Nhà nước. Nghiên cứu, xem xét thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và các chức danh khác phù hợp với yêu cầu quản trị của Công ty.

Xây dựng đồng bộ hệ thống các quy chế quản lý nội bộ của Công ty, của HĐQT và các quy chế quy định khác theo yêu cầu quản lý, điều hành Công ty.

Tôn trọng nguyên tắc tập trung dân chủ, củng cố sự đoàn kết thống nhất trong HĐQT và trong Công ty trên cơ sở tuân thủ pháp luật, điều lệ Công ty, phối hợp hài hòa mối quan hệ giữa người lao động và cỗ đồng của Công ty.

**d. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:**

Hiện tại trong cơ cấu Hội đồng quản trị chưa có thành viên độc lập không điều hành. Vấn đề này sẽ được Hội đồng quản trị xem xét và bầu bổ sung tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2013 sắp tới.

**e. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:**

Hiện Công ty chưa thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

**2. Ban Kiểm soát**

**a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát.**

TT	Họ và tên	Tỷ lệ sở hữu tại 30/11/12	
		Cá nhân sở hữu	Đại diện sở hữu
	Công	0,016%	5,00%
1	Thái Minh Trung		5,00%
2	Nguyễn Xuân Vinh	0,006%	

3	Lê Thị Trúc Mai	0,01%	
---	-----------------	-------	--

### b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát thực hiện 2 chức năng chủ yếu là kiểm tra và giám sát:

❖ Chức năng kiểm tra: Ban kiểm soát thực hiện việc kiểm tra định kỳ 6 tháng. Trước mỗi lần tiến hành kiểm tra, Ban Kiểm soát thông báo cho Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc về thời gian và nội dung kiểm tra để tiến hành chuẩn bị số liệu phục vụ cho công tác kiểm tra. Nội dung kiểm tra chủ yếu bao gồm

- Kiểm tra báo cáo tài chính 6 tháng, năm; thẩm định báo cáo tài chính; báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của Công ty; báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị.

- Kiểm tra việc triển khai thực hiện các nội dung của Nghị quyết ĐHĐCĐ.

- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị và đưa ra những kiến nghị, đề xuất trong phạm vi trách nhiệm quyền hạn.

❖ Chức năng giám sát: Công tác giám sát bao gồm giám sát việc tuân thủ pháp luật của Nhà nước; Điều lệ Công ty; các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

### 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

#### a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

##### ❖ Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

Đại hội đồng cổ đông thường niên 2012 đã thống nhất thông qua quỹ thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2012 là 330 triệu đồng. Cụ thể:

TT	Họ và tên	Mức thù lao/người	Số người	Quỹ thù lao
1	Chủ tịch HĐQT	60.000.000	01	60.000.000
2	Thành viên HĐQT	42.000.000	04	168.000.000
3	Trưởng Ban kiểm soát	42.000.000	01	42.000.000
4	Thành viên Ban kiểm soát	30.000.000	02	60.000.000
<b>Cộng</b>				<b>330.000.000</b>

##### ❖ Tiền thưởng của Ban Điều hành:

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2012, quỹ tiền thưởng Ban Điều hành được tính bằng 1% lợi nhuận sau thuế 2012. Căn cứ kết quả Báo cáo kiểm toán năm

2012, lợi nhuận sau thuế 2012 của Công ty là: 86.391.914.124 đồng, như vậy quỹ tiền thưởng Ban Điều hành năm 2012 là (số làm tròn): 864.000.000 đồng.

❖ *Tiền lương, tiền thưởng của Ban Tổng Giám đốc:*

*ĐVT: 1.000 đồng*

TT	Họ và tên	Chức danh	Lương	Thưởng	Khác	Cộng
1	Ngô Văn Tống	Tổng GĐ	191.953	543.563	64.676	800.192
2	Hà Văn Cường	Phó TGĐ	154.084	428.634	48.717	631.435
3	Trần Cảnh Thịnh	Phó TGĐ	143.755	419.009	47.690	610.454
4	Lê Anh Vũ	Phó TGĐ	151.588	428.634	47.676	627.898
5	Huỳnh Ngọc Bích	KTT	96.619	290.083	6.669	393.371

**b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:**

TT	Họ tên	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số lượng CP giao dịch	
			Mua	Bán
1	Ngô Văn Tống		78.000	
2	C.ty CP Dịch vụ phát triển hạ tầng PBC	C.ty con của TCT PISICO		270.420
3	Võ Tân	Chồng	1.100	1.000

**c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:**

Không phát sinh.

**d. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:**

Trong cơ cấu Hội đồng quản trị hiện chưa có thành viên HĐQT độc lập không điều hành. Vấn đề này sẽ được Hội đồng quản trị đưa vào chương trình nghị sự và bổ sung tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2013 sắp tới.

## VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012

## 1. Ý kiến kiểm toán



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH  
KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

29 Võ Thị Sáu, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh  
ĐT: (08) 3.8205 944 - (08) 3.8205 947-Fax: (08) 3.8205 942  
Email: info@aasc.com.vn-Website:www.aasc.com.vn

Số: 222/BCKT/TC

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN

(Về Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty Cổ Phần Khoáng Sản Bình Định)

Kính gửi: - Hội đồng Quản trị Công ty Cổ Phần Khoáng Sản Bình Định  
- Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Khoáng Sản Bình Định.

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty Cổ Phần Khoáng Sản Bình Định được lập ngày 25 tháng 03 năm 2013 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 từ trang 06 đến trang 27 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo nhận xét về báo cáo này trên cơ sở công tác kiểm toán của chúng tôi.

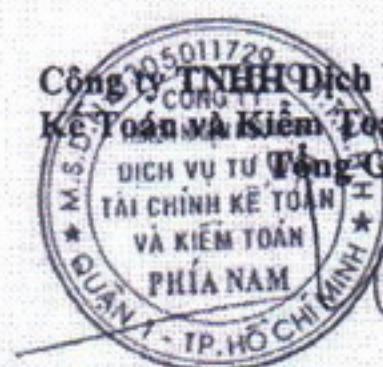
#### Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

0305011  
CÔNG  
TRẠCH NHIỆM  
DỊCH VỤ T  
ÀI CHÍNH I  
VÀ KIỂM  
PHÍA N  
TP.HCM

#### Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Khoáng Sản Bình Định tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ở đây chúng tôi không phủ nhận ý kiến chấp nhận toàn phần như trên, mà chỉ muốn lưu ý người đọc báo cáo tài chính tại mục V.13 phần thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm do tạm phân phối lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị, do đó các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính có liên quan của đơn vị có thể thay đổi tùy thuộc vào việc phân phối lợi nhuận sau thuế được Đại hội đồng cổ đông thông qua.



Đỗ Khắc Thanh  
Chứng chỉ KTV số Đ.0064/KTV

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2013

Kiểm toán viên

Đinh Thế Đường  
Chứng chỉ KTV số 0342/KTV

THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN QUỐC TẾ JHI



**2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:**

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH  
Địa chỉ: 11 Hà Huy Tập, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

**BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A - TÀI SẢN NGÀN HẠN (100=110+120+130+140+150)</b>	100		144.704.914.120	193.684.813.595
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	1	15.217.566.618	42.507.472.283
1. Tiền	111		7.554.820.756	42.507.472.283
2. Các khoản tương đương tiền	112		7.662.745.862	
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		33.000.000.000	87.477.600.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	2	33.000.000.000	87.477.600.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn (*)	129			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	3	9.016.537.734	40.784.535.868
1. Phải thu khách hàng	131	3.1	6.250.035.867	3.718.338.704
2. Trả trước cho người bán	132	3.2	2.766.501.867	37.060.776.100
5. Các khoản phải thu khác	135	3.3		5.421.064
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139			
IV. Hàng tồn kho	140	4	72.751.880.258	20.953.552.916
1. Hàng tồn kho	141		72.751.880.258	20.953.552.916
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	5	14.718.929.510	1.961.652.528
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.1	14.718.929.510	1.958.763.309
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5.2		2.889.219
4. Tài sản ngắn hạn khác	158			
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)</b>	200		126.336.655.079	63.870.231.980
I- Các khoản phải thu dài hạn	210		2.183.811.500	1.639.635.000
4. Phải thu dài hạn khác	218	6	2.183.811.500	1.639.635.000
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		109.358.823.580	45.209.712.980
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	105.860.403.513	45.145.682.720
- Nguyên giá	222		176.686.492.351	96.164.176.533
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	223		(70.826.088.838)	(51.018.493.813)
3. Tài sản cố định vô hình	227	8	6.055.552	9.688.888
- Nguyên giá	228		36.500.000	36.500.000
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	229		(30.444.448)	(26.811.112)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	3.492.364.515	54.341.372
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250			
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258			
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259			
V. Tài sản dài hạn khác	260	10	14.794.019.999	17.020.884.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		14.794.019.999	17.020.884.000
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	270		271.041.569.199	257.555.045.575

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH**  
*Địa chỉ: 11 Hà Huy Tập, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.*

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>67.432.402.630</b>	<b>69.536.701.292</b>
I. Nợ ngắn hạn	<b>310</b>	<b>11</b>	<b>58.491.999.290</b>	<b>61.013.300.131</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	11.1	8.561.121.540	
2. Phải trả người bán	312	11.2	1.978.713.643	
3. Người mua trả tiền trước	313	11.3		9.312.250.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11.4	22.014.360.339	30.634.522.058
5. Phải trả người lao động	315	11.5	8.480.962.137	9.840.563.675
6. Chi phí phải trả	316	11.6	2.967.500.000	1.938.673.342
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	11.7	3.462.537.503	1.932.870.328
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	11.8	11.026.804.128	7.354.420.728
II. Nợ dài hạn	<b>330</b>	<b>12</b>	<b>8.940.403.340</b>	<b>8.523.401.161</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334	12.1	8.940.403.340	8.432.774.482
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	12.2		90.626.679
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
<b>B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>		<b>203.609.166.569</b>	<b>188.018.344.283</b>
I. Vốn chủ sở hữu	<b>410</b>	<b>13</b>	<b>203.609.166.569</b>	<b>188.018.344.283</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		123.926.300.000	82.618.200.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		19.391.000.000	19.391.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			1.088.741.838
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		12.544.090.031	10.893.060.542
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		12.392.337.618	8.262.337.618
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		35.355.438.920	65.765.004.285
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	<b>430</b>			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>271.041.569.199</b>	<b>257.555.045.575</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH  
Địa chỉ: 11 Hà Huy Tập, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại (USD)		564,110.16	1,828,177.58
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Bích Hường

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Huỳnh Ngọc Bích

Lập, ngày 25 tháng 03 năm 2013

Tổng Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Ngô Văn Tông

3050117  
CÔNG T  
TRÁCH NHIỆM H  
DỊCH VỤ TƯ  
I CHÍNH KẾ  
VÀ KIỂM TÍ  
PHÍA NAM  
TP.HCM

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH  
Địa chỉ: 11 Hà Huy Tập, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
			1	2	3	4
1. Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	01	14	401.779.726.506		372.290.945.977	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	15	70.561.838.345		63.187.206.684	
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	16	331.217.888.161		309.103.739.293	
4. Giá vốn hàng bán	11	17	171.352.553.361		178.561.714.079	
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		159.865.334.800		130.542.025.214	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	6.034.732.190		22.198.677.478	
7. Chi phí tài chính	22	19	1.591.320.987		39.360.044	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23				3.589.325	
8. Chi phí bán hàng	24		26.958.988.913		24.523.369.920	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		26.075.882.501		13.163.205.616	
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		111.273.874.589		115.014.767.112	
11. Thu nhập khác	31	20	715.086.364		400.872.558	
12. Chi phí khác	32	21	65.280.000			
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		649.806.364		400.872.558	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		111.923.680.953		115.415.639.670	
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	22	25.531.766.829		24.027.356.262	
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52					
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		86.391.914.124		91.388.283.408	
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	7.771		11.062	

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Bích Hường

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Huỳnh Ngọc Bích

Lập, ngày 25 tháng 03 năm 2013

Tổng Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Ngô Văn Tỏng

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH  
 Địa chỉ: 11 Hà Huy Tập, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

BÁO CÁO LUU CHUYÊN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp giản tiếp)

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	01	<b>111.923.680.953</b>	<b>115.415.639.670</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao TSCĐ	02	21.591.241.889	17.459.968.487
- Các khoản dự phòng	03		
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	1.577.258.916	
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(4.924.775.509)	(9.018.072.740)
- Chi phí lãi vay	06		3.589.325
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	08	<b>130.167.406.249</b>	<b>123.861.124.742</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	18.798.160.952	(28.180.329.150)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(51.798.327.342)	7.258.225.218
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(6.585.010.987)	6.786.004.291
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	2.226.864.001	879.163.359
- Tiền lãi vay đã trả	13		(3.589.325)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(38.974.417.161)	(1.036.957.244)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(544.176.500)	(1.530.135.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>53.290.499.212</b>	<b>108.033.506.891</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1.Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(85.740.352.489)	(9.870.533.135)
2.Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	649.806.364	405.000.000
3.Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(84.631.602.750)	(108.826.376.574)
4.Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	138.457.979.324	32.600.000.000
5.Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		
6.Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
7.Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.274.969.145	8.558.213.322
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>(26.989.200.406)</b>	<b>(77.133.696.387)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1.Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
2.Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		
3.Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	8.561.121.540	8.256.864.000
4.Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(8.256.864.000)
5.Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
6.Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(61.919.832.000)	(27.071.966.715)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	<b>(53.358.710.460)</b>	<b>(27.071.966.715)</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH  
Địa chỉ: 11 Hà Huy Tập, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

BÁO CÁO LUU CHUYÊN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4
Lưu chuyển tiền thuần trong năm ( $50 = 20+30+40$ )	50	(27.057.411.654)	3.827.843.789
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	42.507.472.283	40.050.873.924
Ánh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(232.494.011)	(1.371.245.430)
Tiền và tương đương tiền cuối năm ( $70 = 50+60+61$ )	70	15.217.566.618	42.507.472.283

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Bích Hường

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Huỳnh Ngọc Bích

Lập, ngày 25 tháng 03 năm 2013

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Ngô Văn Tòng

501172  
CÔNG TY  
CHI NHIỆM HỘ  
H VỤ TƯ  
HINH KẾ  
KIỂM TOI  
HÍA NAM  
TP. HỒ C

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

### I Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp:

#### 1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Khoáng Sản Bình Định được thành lập theo Quyết định số 09/2001/QĐ-UB ngày 08 tháng 01 năm 2001 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Bình Định về việc chuyển công ty Khoáng Sản Bình Định thành công ty Cổ Phần; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu Công ty cổ phần số 3503000009 ngày 08 tháng 01 năm 2001; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tám ngày 15 tháng 5 năm 2012 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Bình Định cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 123.926.300.000 đồng (Một trăm hai mươi ba tỷ chín trăm hai mươi sáu triệu ba trăm ngàn đồng).

2. *Lĩnh vực kinh doanh:* Sản xuất công nghiệp. Khai thác chế biến và tiêu thụ các loại khoáng sản .
3. *Ngành nghề kinh doanh:* Khai thác, chế biến và mua bán khoáng sản từ quặng sa khoáng Titan và các loại quặng, khoáng sản khác. Các hoạt động hỗ trợ khai thác khoáng sản (trừ điều tra, thăm dò dầu khí). Kiểm tra, phân tích kỹ thuật các loại quặng khoáng sản. Mua bán các loại vật tư, máy móc, thiết bị phục vụ khai thác và chế biến các loại quặng khoáng sản.

### II Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

#### 1. *Niên độ kế toán* của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

#### 2. *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:* Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

### III Chế độ kế toán áp dụng:

#### 1. *Chế độ kế toán áp dụng:* Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006; Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

#### 2. *Hình thức sổ kế toán áp dụng:* Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.

### IV Các chính sách kế toán áp dụng:

#### 1. *Nguyên tắc xác định các khoản tiền:* Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển

##### 1.1 *Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:*

Là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

##### 1.2 *Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác:*

Việc ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong năm được thực hiện theo Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính.

##### 2. *Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho:*

##### 2.1 *Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:*

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH**  
*Địa chỉ: 11 Hà Huy Tập, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.*

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyên hóa nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

2.2 *Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:* Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

2.3 *Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:* Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

2.4 *Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:* Không phát sinh dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

3. *Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:*

3.1 *Nguyên tắc ghi nhận:*

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

3.2 *Lập dự phòng phải thu khó đòi:* Không phát sinh.

4. *Nguyên tắc xác định khoản phải thu, phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng:* Không phát sinh.

5. *Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:*

5.1 *Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:*

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng TSCĐ được ghi nhận theo nguyên giá hao mòn lũy kế theo giá gốc.

5.2 *Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:* Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng và tuân thủ theo tỷ lệ khấu hao được xác định theo quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính.

6. *Hợp đồng thuê tài chính: Không phát sinh.*

7. *Ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư: Không phát sinh.*

8. *Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác:*

8.1 *Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay:*

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH**  
*Địa chỉ: 11 Hà Huy Tập, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.*

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

**8.2 Tỷ lệ vốn hoá chi phí đi vay được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ: Không phát sinh**

**8.3 Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí khác:**

**8.3.1. Chi phí trả trước:** Chi phí trả trước phân bổ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

**8.3.2. Chi phí khác:** Chi phí khác phục vụ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

**8.4 Phương pháp phân bổ chi phí trả trước:**

Các loại chi phí trả trước nếu chi liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

**8.5 Phương pháp phân bổ lợi thế thương mại: không phát sinh**

**9. Nguyên tắc kế toán chi phí nghiên cứu và triển khai:**

**9.1 Nguyên tắc kế toán chi phí nghiên cứu:**

Toàn bộ chi phí phát sinh trong giai đoạn nghiên cứu được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

**9.2 Nguyên tắc kế toán chi phí triển khai:**

Chi phí phát sinh trong giai đoạn triển khai được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ trừ khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện để ghi nhận là TSCĐ vô hình.

**10. Kế toán các khoản đầu tư tài chính:**

**10.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết:**

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

**10.2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn:**

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền"

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn

- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn

**10.3 Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn:**

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên số kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

**11. Kế toán các hoạt động liên doanh:**

**11.1 Nguyên tắc kế toán hoạt động liên doanh theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát:**

150117  
CÔNG TY  
CHI NHÁM  
H VỤ TŁ  
HINH KẾ  
KIỂM T  
HÍA NĂ  
TP. HỒ

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH**  
Địa chỉ: 11 Hà Huy Tập, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

**11.2 Nguyên tắc kế toán hoạt động liên doanh theo hình thức thành lập cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát:**

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần luỹ kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

**12. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác:**

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Tài sản thiêu chòi xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

**13. Ghi nhận chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn, chi phí bảo hành sản phẩm: không phát sinh**

**14. Ghi nhận chi phí trả trước:**

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Chi phí thành lập;
- Chi phí trước hoạt động chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tài, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Lỗ chênh lệch tỷ giá của giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

**15. Nguồn vốn chủ sở hữu:**

**15.1 Ghi nhận cổ tức:**

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

**15.2 Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng Quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH**  
*Địa chỉ: 11 Hà Huy Tập, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.*

**16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:**

**16.1 Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:**

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

**16.2 Doanh thu cung cấp dịch vụ:**

Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

**16.3 Doanh thu hoạt động tài chính:**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: 11 Hà Huy Tập, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN</b>		
1.1- Tiền mặt - VND	125.825.175	932.381.545
- Tiền mặt	125.825.175	932.381.545
1.2- Tiền gửi ngân hàng	7.428.995.581	41.575.090.738
- Ngân hàng Đầu tư và Phát Triển Việt Nam - CN.Bình Định (VND)	3.044.779.759	1.618.942.060
- Ngân hàng TMCP Á Châu - CN.Bình Định (VND)	289.274.274	1.763.254.356
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát Triển Nông Thôn- CN.Bình Định (VND)	16.674.613	115.611.787
- Ngân hàng TMCP Á Châu - CN.Bình Định (# 46,454.80 USD)	966.879.237	9.668.813.732
- Ngân hàng Đầu tư và Phát Triển Việt Nam - CN.Bình Định (# 2,655.21 USD)	55.263.771	28.372.449.168
- Ngân hàng Nông nghiệp Và Phát Triển Nông Thôn- CN.Bình Định (# 146,834.91 USD)	3.056.123.927	36.019.635
1.3- Các khoản tương đương tiền	7.662.745.862	CH VỤ 1
- Tiền gửi tiết kiệm USD tại NH NN&PTNT Bình Định (173,000.00 USD - Kỳ hạn 01 tháng)	3.600.706.667	CHÍNH
- Tiền gửi tiết kiệm USD tại NH ACB - CN.Bình Định (195,165.24 USD - Kỳ hạn 01 tháng)	4.062.039.195	/À KIỂM
<b>Cộng</b>	<b>15.217.566.618</b>	<b>42.507.472.283</b>
<b>2. ĐẦU TƯ NGÂN HẠN</b>		
- Tiền gửi tiết kiệm VND tại NH Đầu Tư và Phát Triển - CN.Bình Định (Kỳ hạn 4 tháng)	33.000.000.000	
- Tiền gửi tiết kiệm USD tại NH ĐT & PT-CN Bình Định (3,200,000.00 USD - Kỳ hạn 4 tháng)		66.649.600.000
- Tiền gửi tiết kiệm USD tại NH ĐT & PT-CN Bình Định (1,000,000.00 USD - Kỳ hạn 6 tháng)		20.828.000.000
<b>Cộng</b>	<b>33.000.000.000</b>	<b>87.477.600.000</b>
<b>3. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGÂN HẠN</b>		
3.1- Phải thu khách hàng	Số cuối năm	Số đầu năm
- Xí nghiệp Que hàn điện Khánh Hội	6.250.035.867	3.718.338.704
- KDC Malaysia (#166,100.00 USD)		159.500.000
- Kiswel (#134,190.00 USD)	3.457.094.667	
- Mineral Venture International - Singapore (# 170,868.00 USD)		2.792.941.200
3.2- Trả trước cho người bán	3.558.838.704	
- Công ty CP xúc tiến đầu tư XD & SX Phúc Sơn	2.766.501.867	37.060.776.100
- DNTN Khang Huy	103.422.000	
- Công ty TNHH Vĩnh Hưng Thịnh	185.000.000	
- Viện Công Nghệ Vật liệu Võ Cô	450.000.000	
- Công ty TNHH Hạnh Cường	110.000.000	
- Chi Nhánh Bảo Hiểm Bưu Điện tại Bình Định	625.000.000	
- DNTN Cơ khí Quốc Mạnh	19.994.880	
- Công ty Dịch vụ Tư vấn Tài chính & Kiểm toán (AASCs)	470.224.500	
- Công ty Cơ điện xây lắp Hùng Vương	31.500.000	
	247.084.987	1.664.832.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH**

Địa chỉ: 11 Hà Huy Tập, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

- Qinzhou Dewei Trade Co.LTD (# 1,505,700.00 USD)	31.360.719.600
- Viện khoa học công nghệ mỏ - Luyện kim	900.000.000
- Công ty TNHH Thương mại Vlina Style	1.100.000.000
- DNTN Xuyên Quốc Dân	3.000.000
- Trung tâm Quan trắc môi trường Bình Định	126.000.000
- Công ty TNHH Xây dựng thương mại Phú Ninh	720.000.000
- Công ty cổ phần Tư vấn Thiết kế luyện kim màu	1.113.000.000
- Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế & ĐTXD Lam Sơn	97.500.000
<b>3.3- Các khoản phải thu khác</b>	<b>60.000.000</b>
- Bảo hiểm thất nghiệp	5.421.064
- Bảo hiểm y tế	768.492
<b>Cộng</b>	<b>4.652.572</b>
	<b>9.016.537.734</b>
	<b>40.784.535.868</b>

**4. HÀNG TỒN KHO**

- Nguyên liệu, vật liệu

- Công cụ, dụng cụ

- Thành phẩm

**Cộng**

Số cuối năm	Số đầu năm
4.840.092.731	2.998.658.531
443.026.683	297.031.220
67.468.760.844	17.657.863.165
<b>72.751.880.258</b>	<b>20.953.552.916</b>

**5. TÀI SẢN NGÂN HẠN KHÁC**

5.1- Thuế GTGT được khấu trừ

5.2- Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

- Thuế xuất khẩu

**Cộng**

Số cuối năm	Số đầu năm
14.718.929.510	1.958.763.309
	2.889.219
<b>14.718.929.510</b>	<b>1.961.652.528</b>

**6. PHÁI THU DÀI HẠN KHÁC**

\* Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn

- Ký quỹ môi trường mỏ 73ha Phù Cát

- Ký quỹ môi trường mỏ 150ha Phù Cát

**Cộng**

Số cuối năm	Số đầu năm
2.183.811.500	1.639.635.000
438.000.000	438.000.000
1.745.811.500	1.201.635.000
<b>2.183.811.500</b>	<b>1.639.635.000</b>

**7. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	Cộng
L Nguyên giá					
1. Số dư đầu năm	20.851.649.756	62.772.932.004	11.677.062.067	862.532.706	96.164.176.533
2. Số tăng trong năm	11.901.104.114	65.129.724.928	4.638.146.668	633.353.636	82.302.329.346
Bao gồm:					
- Do mua sắm mới	11.901.104.114	65.129.724.928	4.638.146.668	633.353.636	82.302.329.346
- Cải tạo sửa chữa					
- Chuyển từ XD CBDD					

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: 11 Hô Huy Tập, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

<b>3. Số giảm trong năm</b>	<b>10.150.560</b>	<b>511.243.064</b>	<b>1.258.619.904</b>		<b>1.780.013.528</b>
<i>Bao gồm:</i>					
- Thanh lý, nhượng bán	10.150.560	511.243.064	1.258.619.904		1.780.013.528
- Giảm khác					
<b>4. Số dư cuối năm</b>	<b>32.742.603.310</b>	<b>127.391.413.868</b>	<b>15.056.588.831</b>	<b>1.495.886.342</b>	<b>176.686.492.351</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
<b>1. Số dư đầu năm</b>	<b>8.611.767.446</b>	<b>35.446.990.175</b>	<b>6.301.682.886</b>	<b>658.053.306</b>	<b>51.018.493.813</b>
<b>2. Số tăng trong năm</b>	<b>2.602.017.527</b>	<b>15.668.866.958</b>	<b>3.074.821.754</b>	<b>241.902.314</b>	<b>21.587.608.553</b>
<b>3. Số giảm trong năm</b>	<b>10.150.560</b>	<b>511.243.064</b>	<b>1.258.619.904</b>		<b>1.780.013.528</b>
<i>Bao gồm:</i>					
- Thanh lý, nhượng bán	10.150.560	511.243.064	1.258.619.904		1.780.013.528
- Giảm khác					
<b>4. Số dư cuối năm</b>	<b>11.203.634.413</b>	<b>50.604.614.069</b>	<b>8.117.884.736</b>	<b>899.955.620</b>	<b>70.826.088.838</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>					
<b>1. Tại ngày đầu năm</b>	<b>12.239.882.310</b>	<b>27.325.941.829</b>	<b>5.375.379.181</b>	<b>204.479.400</b>	<b>45.145.682.720</b>
<b>2. Tại ngày cuối năm</b>	<b>21.538.968.897</b>	<b>76.786.799.799</b>	<b>6.938.704.095</b>	<b>595.930.722</b>	<b>105.860.403.513</b>

**8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Công
<b>I. Nguyên giá</b>					
<b>1. Số dư đầu năm</b>				<b>36.500.000</b>	<b>36.500.000</b>
<b>2. Số tăng trong năm</b>					
<i>Bao gồm:</i>					
- Mua sắm mới					
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp					
- Tăng do hợp nhất kinh doanh					
- Tăng khác					
<b>3. Số giảm trong năm</b>					
<i>Bao gồm:</i>					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
<b>4. Số dư cuối năm</b>				<b>36.500.000</b>	<b>36.500.000</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
<b>1. Số dư đầu năm</b>				<b>26.811.112</b>	<b>26.811.112</b>
<b>2. Số tăng trong năm</b>				<b>3.633.336</b>	<b>3.633.336</b>
<b>3. Số giảm trong năm</b>					
<i>Bao gồm:</i>					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
<b>4. Số dư cuối năm</b>				<b>30.444.448</b>	<b>30.444.448</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>					
<b>1. Tại ngày đầu năm</b>				<b>9.688.888</b>	<b>9.688.888</b>
<b>2. Tại ngày cuối năm</b>				<b>6.055.552</b>	<b>6.055.552</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: 11 Hà Huy Tập, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

**9. CHI PHÍ XDCB DỞ DÀNG**

- Mua sắm tài sản cố định
- Chi phí nhà máy xi Titan

**Cộng**

Số cuối năm	Số đầu năm
1.396.741.866	620.463
2.095.622.649	53.720.909
<b>3.492.364.515</b>	<b>54.341.372</b>

**10. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC**

- \* Chi phí trả trước dài hạn
- Công cụ, dụng cụ chưa phân bổ
- Hệ thống xử lý nước xưởng bàn dài nước Cát Thành
- Chi phí trồng rừng mỏ 73ha Cát Thành
- Tiền thuê đất nhà máy xi 45 năm theo hợp đồng thuê đất
- Kinh phí đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng mỏ 150 ha

**Cộng**

Số cuối năm	Số đầu năm
1.169.746.999	886.153.000
226.758.000	
393.424.000	
13.004.091.000	13.318.731.000
	2.816.000.000
<b>14.794.019.999</b>	<b>17.020.884.000</b>

**11. NỢ NGÂN HẠN**

**11.1- Vay ngắn hạn Ngân Hàng**

- Vay ngắn hạn Ngân hàng Đầu Tư & Phát Triển CN.Bình Định

**11.2- Phải trả người bán**

- Công ty TNHH SX - TM Tân Quốc Hưng
- Công ty CP Bao bì Đại Lực
- Trung tâm nghiên cứu điện tử ĐH Bách Khoa Đà Nẵng
- DNTN May thương mại Vạn Phát
- Công ty TNHH Gia Long
- Hiệu buôn Thanh Quyền
- Công ty cổ phần XNK vật tư máy móc T&T
- Hiệu buôn Thu Hiền

**11.3- Người mua trả tiền trước**

- DNTN Hạnh Thảo
- Guangxi Chuangda Mining Co.LTD (# 437,500.00 USD)

**11.4- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

- Thuế xuất khẩu
- Thuế thu nhập doanh nghiệp
- Thuế tài nguyên
- Phí bảo vệ môi trường
- Thuế thu nhập cá nhân

**11.5- Phải trả người lao động**

- Lương phải trả công nhân viên

**11.6- Chi phí phải trả**

- Kinh phí xây dựng CSHT mỏ 73ha Phù Cát
- Báo Công Thương - (Quảng cáo)
- Thủ lao của HDQT & BKS
- Liên đoàn địa chất Trung Trung Bộ

Số cuối năm	Số đầu năm
8.561.121.540	8.561.121.540
1.978.713.643	
45.500.000	
12.100.000	
38.000.000	
730.000	
187.093.643	
51.570.000	
154.000.000	
1.489.720.000	
	9.312.250.000
	200.000.000
	9.112.250.000
<b>22.014.360.339</b>	<b>30.634.522.058</b>
632.656.373	
12.647.731.688	26.090.382.020
8.248.359.178	668.862.038
485.613.100	1.200.281.000
	2.674.997.000
<b>8.480.962.137</b>	<b>9.840.563.675</b>
<b>8.480.962.137</b>	<b>9.840.563.675</b>
<b>2.967.500.000</b>	<b>1.938.673.342</b>
2.920.000.000	
20.000.000	
27.500.000	19.500.000
	270.614.306

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH**

*Địa chỉ: 11 Hà Huy Tập, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.*

- Công ty tư vấn Tài chính & Kiểm toán AASCS	57.272.727
- Phí hội viên Hiệp hội Titan Việt Nam	25.000.000
- Tiền ăn ca phải trả công nhân viên Công ty	230.411.000
- TT Lưu ký chứng khoán TP.HCM	15.000.000
- Nhà may Hiếu	1.320.875.309
<b>11.7- Các khoản, phải trả phải nộp khác</b>	<b>3.462.537.503</b>
- Kinh phí Công đoàn	1.444.952.581
- Bảo hiểm xã hội	145.002.953
- Bảo hiểm y tế	28.416.455
- Bảo hiểm thất nghiệp	11.771.014
- Sở Tài chính Bình Định	304.095.000
- Phan Huy Hoàng	66.538.660
- Tạm thu thuế thu nhập cá nhân	1.570.610.840
- Thuế thu nhập cá nhân người ngoài công ty	41.856.000
- CNCNV ủng hộ đồng bào bão lụt	19.260.000
- Cổ đông Quách Xiêu An	750.000
- Phi bảo hành công trình XDCB (Trung tâm Quan Trắc Môi trường Bình Định)	30.000.000
- Quỹ trả cổ tức	53.430.000
- Cổ tức 10% của cổ đông lưu ký sàn chứng khoán SME	1.949.000
- Tiền đặt cọc thanh lý tài sản	48.000.000
<b>11.8- Quỹ khen thưởng, phúc lợi</b>	<b>11.026.804.128</b>
- Quỹ khen thưởng	8.252.368.989
- Quỹ phúc lợi	2.510.432.139
- Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành công ty	264.003.000
<b>Cộng</b>	<b>58.491.999.290</b>
	<b>61.013.300.131</b>



**12. NỢ DÀI HẠN**

**12.1- Vay và nợ dài hạn**

- Tiền thuê đất nhà máy xi trong 45 năm (#429,551.73 USD)

**12.2- Dự phòng trợ cấp mất việc làm**

**Cộng**

Số cuối năm	Số đầu năm
8.940.403.340	8.432.774.482
8.940.403.340	8.432.774.482
	90.626.679
<b>8.940.403.340</b>	<b>8.523.401.161</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH  
 Địa chỉ: 11 Hù Huy Tập, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

**13. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

a/ Bảng cân đối biến động của vốn chủ sở hữu

A	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
1	2	3	4	5	6	7	
Số dư đầu năm trước	82.618.200.000	19.391.000.000	10.893.060.542	7.062.337.618	604.877.022	353.360.877	120.922.836.059
- Tăng vốn trong năm trước						91.388.283.408	91.388.283.408
- Lãi trong năm trước				1.200.000.000	2.389.435.803		3.589.435.803
- Tăng khác							
- Giảm vốn trong năm trước					1.905.570.987	25.976.640.000	27.882.210.987
- Lỗ trong năm trước							
- Giảm khác							
Số dư cuối năm trước							
Số dư đầu năm nay	82.618.200.000	19.391.000.000	10.893.060.542	8.262.337.618	1.088.741.838	65.765.004.285	188.018.344.283
- Tăng vốn trong năm nay (a)		41.308.100.000					41.308.100.000
- Lãi trong năm nay						86.391.914.124	86.391.914.124
- Tăng khác (b)			12.544.029.489	4.130.000.000		28.000.000	16.702.029.489
- Giảm vốn trong năm nay							
- Lỗ trong năm nay							
- Giảm khác (c)			10.893.000.000		1.088.741.838	116.829.479.489	128.811.221.327
Số dư cuối năm nay	123.926.300.000	19.391.000.000	12.544.090.031	12.392.337.618		35.355.438.920	203.609.166.569

Ghi chú :

(a) Tăng vốn trong năm do:

- Tăng vốn điều lệ bằng phát hành cổ phiếu thường từ quỹ đầu tư phát triển	10.893.000.000
- Tăng vốn điều lệ bằng phát hành cổ phiếu thường từ lợi nhuận	30.415.100.000
<u>Cộng</u>	<u>41.308.100.000</u>

(b) Tăng khác của lợi nhuận sau thuế chưa phân phối do điều chỉnh giảm quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2011

28.000.000

(c) Giảm khác của quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay, gồm :

* Giảm khác quỹ đầu tư phát triển: Tăng vốn điều lệ bằng phát hành CP thường từ quỹ đầu tư phát triển	10.893.000.000
<u>Cộng</u>	<u>10.893.000.000</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH**

Địa chỉ: 11 Hà Huy Tập, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

\* Giảm khác của lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay (\*), gồm:

+ Tăng vốn điều lệ bằng phát hành cổ phiếu thường từ lợi nhuận sau thuế	30.415.100.000
+ Trích cổ tức bổ sung 30% năm 2011 theo NQ ĐHCD	24.785.460.000
+ Tạm phân phối lợi nhuận chưa phân phối năm 2011 và 2012 theo Nghị Quyết HĐQT số 02/NQ-HĐQT-BMC ngày 22/3/2013	
- Tạm trích quỹ trả cổ tức	37.177.890.000
- Tạm trích Quỹ dự phòng tài chính	4.130.000.000
- Tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	6.913.000.000
- Tạm trích Quỹ đầu tư phát triển	12.544.029.489
- Tạm trích Quỹ thường ban điều hành	864.000.000
<b>Cộng</b>	<b>116.829.479.489</b>

Ghi chú (\*): Lợi nhuận sau thuế của năm 2011 và 2012 tạm trích theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 02/NQ-HĐQT-BMC ngày 22/3/2013 có thể thay đổi khi Đại hội đồng cổ đông thông qua (do vậy, các chỉ tiêu có liên quan đến báo cáo tài chính từ việc tạm trích lợi nhuận sau thuế có thể thay đổi và được điều chỉnh cho phù hợp).

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH**

*Địa chỉ: 11 Hà Huy Tập, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.*

**b/ Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu**

	Tỷ lệ	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vốn góp của Nhà nước	25%	30.981.840.000	20.654.560.000
- Vốn góp của đối tượng khác	75%	92.944.460.000	61.963.640.000
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>123.926.300.000</b>	<b>82.618.200.000</b>

**c/ Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

+ **Vốn chủ sở hữu**

	Năm nay	Năm trước
- Vốn góp đầu năm	82.618.200.000	82.618.200.000
- Vốn góp tăng trong năm	41.308.100.000	
- Vốn góp giảm trong năm		
- Vốn góp cuối năm	123.926.300.000	82.618.200.000

+ **Cổ tức lợi nhuận đã chia**

d/ **Cổ tức**

- + Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán
- + Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận

e/ **Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
+ Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.392.630	8.261.820
+ Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	12.392.630	8.261.820
- Cổ phiếu phổ thông	12.392.630	8.261.820

- Cổ phiếu ưu đãi

+ **Số lượng cổ phiếu được mua lại**

- Cổ phiếu phổ thông
- Cổ phiếu ưu đãi

+ **Số lượng cổ phiếu đang lưu hành**

- Cổ phiếu phổ thông	12.392.630	8.261.820
- Cổ phiếu ưu đãi	12.392.630	8.261.820

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành

10.000 đ/cp	10.000 đ/cp
<b>24.936.427.649</b>	<b>19.155.398.160</b>

f/ **Các quỹ của doanh nghiệp**

+ Quỹ đầu tư và phát triển	12.544.090.031	10.893.060.542
+ Quỹ dự phòng tài chính	12.392.337.618	8.262.337.618

**14. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

- **Doanh thu bán hàng**

**Cộng**

	Năm nay	Năm trước
<b>401.779.726.506</b>	<b>372.290.945.977</b>	
<b>401.779.726.506</b>	<b>372.290.945.977</b>	

**15. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

- Thuế xuất khẩu

- Hao hụt hàng bán

**Cộng**

	Năm nay	Năm trước
70.348.509.642	63.122.051.688	
213.328.703	65.154.996	
<b>70.561.838.345</b>	<b>63.187.206.684</b>	

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH**

*Địa chỉ: 11 Hà Huy Tập, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.*

**16. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

- Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm, hàng hóa
- Cộng**

<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
331.217.888.161	309.103.739.293
<b>331.217.888.161</b>	<b>309.103.739.293</b>

**17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

- Giá vốn của thành phẩm đã bán
- Cộng**

<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
171.352.553.361	178.561.714.079
<b>171.352.553.361</b>	<b>178.561.714.079</b>

**18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

- Lãi tiền gửi, tiền cho vay
- Cổ tức, lợi nhuận được chia
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện
- Doanh thu hoạt động tài chính khác
- Cộng**

<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
4.274.969.145	6.666.956.016
	1.798.372.000
1.759.763.045	13.548.671.862
	184.677.600
<b>6.034.732.190</b>	<b>22.198.677.478</b>

**19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

- Lãi tiền vay
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện
- Cộng**

<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	3.589.325
1.591.320.987	35.770.719
<b>1.591.320.987</b>	<b>39.360.044</b>

**20. THU NHẬP KHÁC**

- Thanh lý tài sản cố định
- Thu nhập khác
- Cộng**

<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
715.086.364	368.181.818
	32.690.740
<b>715.086.364</b>	<b>400.872.558</b>

**21. CHI PHÍ KHÁC**

- Sửa chữa thay thế phụ tùng xe ô tô
- Chi phí khác
- Cộng**

<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
34.870.000	
30.410.000	
<b>65.280.000</b>	

**22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành
- Cộng**

<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
25.531.766.829	24.027.356.262
<b>25.531.766.829</b>	<b>24.027.356.262</b>

**23. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YÊU TỐ**

- Chi phí nguyên liệu, vật liệu
- Chi phí nhân công
- Chi phí khấu hao TSCĐ
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí bằng tiền khác
- Cộng**

<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
152.774.978.344	94.771.521.772
69.755.637.117	61.763.846.382
21.590.431.889	17.460.968.487
88.342.270.683	51.263.086.143
6.864.624.587	674.900.468
<b>339.327.942.620</b>	<b>225.934.323.252</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH**

Địa chỉ: 11 Hà Huy Tập, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

**24. CHI PHÍ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT**

- Thu lao của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	<u>330.000.000</u>	234.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>330.000.000</u></b>	<b>234.000.000</b>

<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
330.000.000	234.000.000
<b><u>330.000.000</u></b>	<b>234.000.000</b>

**25. THUẾ TNDN PHẢI NỘP VÀ LỢI NHUẬN SAU THUẾ TRONG NĂM**

+ Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	111.923.680.953	115.415.639.670
+ Các khoản điều chỉnh tăng	13.887.146.103	541.819.419
+ Các khoản điều chỉnh giảm		1.798.372.000
+ Tổng thu nhập chịu thuế	125.810.827.056	114.159.087.089
+ Thuế TNDN phải nộp	31.452.706.765	28.539.771.773
+ Thuế TNDN được miễn, giảm	5.920.939.936	4.512.415.511
+ Thuế TNDN còn phải nộp	25.531.766.829	24.027.356.262
+ Lợi nhuận sau thuế TNDN	86.391.914.124	91.388.283.408

<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
111.923.680.953	115.415.639.670

**26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

+ Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	86.391.914.124	91.388.283.408
+ Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm Lợi nhuận kế toán để xác định Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Các khoản điều chỉnh tăng		
Các khoản điều chỉnh giảm		
+ Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	86.391.914.124	91.388.283.408
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	11.117.271	8.261.820
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.771	11.062

<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
86.391.914.124	91.388.283.408

030501172  
CÔNG TY  
TẬP NHÌN HỮU  
DỊCH VỤ TƯ  
PHÁT TRIỂN KẾ  
VÀ KIỂM TO  
PHÍA NAM  
TP. HỒ CHÍ MINH

**27. THÔNG TIN BỔ SUNG**

27.1- Giao dịch với các bên có liên quan: Không phát sinh

27.2- Về báo cáo bộ phận: Không phát sinh, do:

- Về lĩnh vực kinh doanh:

Công ty hoạt động trong lĩnh vực khai thác và chế biến khoáng sản và chỉ có mặt hàng chủ yếu là các loại quặng khoáng sản titan, hoạt động sản xuất của công ty là một quy trình khép kín từ khâu khai thác đến khâu sản xuất ra thành phẩm tiêu thụ.

- Về khu vực địa lý:

Hoạt động sản xuất của Công ty nằm trong phạm vi một tỉnh.

27.3- Báo cáo về Công cụ tài chính:

Tình hình sử dụng công cụ tài chính phải sinh tại doanh nghiệp:

- Về hợp đồng kỳ hạn:

Trong năm 2012, công ty có phát sinh hợp đồng bán hàng hóa cho công ty Kafour Development Corporation Sdn.Bhd (KDC) theo hợp đồng số: TS/KDC.BMC/0112 ngày 29 tháng 02 năm 2012. Theo quy định của hợp đồng thì việc giao nhận hàng hóa sẽ được chia làm nhiều lần kéo dài từ tháng 4/2012 đến tháng 9/2012 với đơn giá hàng hóa được xác định là 1.730 USD/tấn. Đơn giá này không thay đổi trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: 11 Hà Huy Tập, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

27.4- Số liệu so sánh

Số dư đầu năm trên Báo cáo tài chính năm 2012 là số dư cuối năm trên Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS).

Lập, ngày 25 tháng 03 năm 2013

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Bích Hương

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Huỳnh Ngọc Bích

Tổng Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Ngô Văn Tông



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH  
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngô Văn Cổng